

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG**

Số: 163/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nha Trang, ngày 30 tháng 9 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang  
giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KHÓA XII - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;*

*Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh  
Khánh Hòa về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang,  
tỉnh Khánh Hòa đến 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 6556/TTr-  
UBND ngày 24/9/2021; Báo cáo thẩm tra số 191/BC-HĐND ngày 29/9/2021 của  
Ban Kinh tế - Xã hội thành phố,*

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang giai  
đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 do UBND thành phố Nha Trang trình với  
nội dung chủ yếu như sau:

### **I. Mục tiêu của Chương trình:**

#### **1. Mục tiêu chung:**

- Xây dựng thành phố Nha Trang thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa  
của tỉnh, trung tâm khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo và dịch vụ của vùng  
Duyên hải Nam Trung bộ và Tây nguyên; trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng của cả  
nước và quốc tế; là nơi tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa có ý nghĩa cấp quốc gia  
và quốc tế; góp phần xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung  
ương; trong đó thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân.

- Hướng tới xây dựng thành phố Nha Trang trở thành trung tâm đổi mới  
sáng tạo và tiếp tục là điểm đến chính thu hút khách du lịch quốc tế; Xây dựng  
chính sách khuyến khích và phát triển hệ sinh thái để thu hút các doanh nghiệp

thương mại và tổ chức tài chính hợp tác đầu tư hình thành: Trung tâm thương mại tài chính; Trung tâm giáo dục, nghiên cứu; Vườn ươm công nghệ. Tiếp tục đầu tư phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, chú trọng chăm sóc sức khỏe tinh thần và thể chất cho người lớn tuổi; Tổ chức các sự kiện văn hóa công nghệ cao, các hoạt động thể thao thường niên để tạo sự hấp dẫn cho môi trường du lịch; Tập trung xử lý các vấn đề về môi trường: rác thải, nước thải...đảm bảo mục tiêu phát triển đô thị bền vững.

- Cân bằng bền vững cấu trúc đô thị, phát huy thế mạnh kinh tế biển, hoàn thành và vượt các tiêu chí đô thị loại I, giữ vững vị trí trung tâm kinh tế lớn nhất tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung bộ.

- Cụ thể hóa Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2025 và Chương trình phát triển đô thị thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến 2030; từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Xây dựng phát triển đô thị hợp lý theo vị trí, tính chất, chức năng, đồng thời phát huy thế mạnh và vai trò của thành phố trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trên cơ sở phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao chất lượng sống cho người dân đô thị; giữ gìn giá trị, bản sắc văn hóa của địa phương. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, hiện đại.

## 2. Mục tiêu cụ thể:

### 2.1. Về tổ chức đô thị:

- Cải tạo nâng cấp các khu vực đô thị hiện trạng:

+ Tập trung phủ kín quy hoạch phân khu để làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết, chỉnh trang đô thị các khu vực dân cư hiện trạng nội thành.

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc..., thực hiện theo từng dự án đơn lẻ hoặc các dự án cải tạo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

+ Cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội hiện hữu như: trường học, trạm y tế, chợ...; Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất các công trình công cộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

- Tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu đô thị loại 1; Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông (*tuyến đường chính đô thị, nhà ga, bến xe, bến cảng hành khách*...), đầu tư phát triển hệ thống cây xanh đô thị, các dự án hạ tầng xã hội (*trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, trung tâm biểu diễn nghệ thuật*, ...) tại các phường nội thị và các xã dự kiến nâng cấp thành phường nhằm hoàn thiện các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng, kiến trúc cảnh quan đô thị loại 1 trực thuộc Tỉnh.

- Xây dựng khu vực đảo Hòn Tre, thành phố Nha Trang trở thành trung tâm đô thị du lịch đạt các tiêu chí của đô thị loại V (*không hình thành đơn vị hành chính mới*).

### 2.2. Các chỉ tiêu phát triển đô thị đến 2025:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân 32m<sup>2</sup>/người, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 95% đến 100%.

- Tỷ lệ đất giao thông đạt từ 24% trở lên; Mật độ đường chính (*tính đến đường có chiều rộng xe chạy ≥7,5m*) đạt 10km/km<sup>2</sup> trở lên; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt từ 15% trở lên.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt từ 100% với chỉ tiêu từ 130lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt từ 5km/km<sup>2</sup> trở lên.
- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 50% trở lên;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được xử lý, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt 100%.
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100% và tỷ lệ chiều dài các đường được chiếu sáng trong khu ở là 100%.
- Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt 5m<sup>2</sup>/người trở lên.

### **2.3. Đến năm 2030:**

Tập trung nâng cấp các xã đạt tiêu chuẩn thành lập phường; đạt tỷ lệ đô thị hóa 95%; Tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn phường thuộc đô thị loại I đối với các phường đã được công nhận và các xã dự kiến phát triển thành phường còn lại.

- Diện tích nhà ở đô thị bình quân 32m<sup>2</sup> /người, tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 98% - 100%.
- Tỷ lệ đất giao thông đạt từ 29% trở lên; Mật độ đường chính (*tính đến đường có chiều rộng xe chạy ≥7,5m*) đạt 13km/km<sup>2</sup> trở lên; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt từ 20% trở lên.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt từ 100% với chỉ tiêu từ 200lít/người/ngày đêm.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt từ 5km/km<sup>2</sup> trở lên.
- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 54% trở lên;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được xử lý, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt 100%.
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100% và tỷ lệ chiều dài các đường được chiếu sáng trong khu ở là 100%.
- Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị đạt 5m<sup>2</sup>/ người trở lên.
- Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trực phố chính đạt từ 40% trở lên.

## **II. Các giải pháp thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025:**

### **1. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước:**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực phát triển đô thị (*về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng...*); đảm bảo sự quản lý thống nhất từ cơ quan Đảng đến cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương các cấp;
- Nâng cao chất lượng tham mưu trong công tác phát triển đô thị, trên cơ sở tuân thủ các quy định về pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch và đầu tư xây dựng.
- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính để giúp quá trình thực hiện các dự án được thuận lợi; Công khai minh bạch các chính sách về giá đất, chính sách thuế

và các thông tin về quy hoạch, về dự án để tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Chỉ đạo xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội về nhà ở, các công trình y tế, giáo dục phục vụ người lao động có thu nhập thấp; lựa chọn các dự án đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

- Đề xuất xây dựng các chính sách bảo đảm công bằng xã hội, hạn chế những bất công trong xã hội, các chính sách chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động trong quá trình phát triển đô thị; tránh tạo bức xúc xã hội, tạo áp lực lên sự phát triển và quản lý trong quá trình đô thị hóa.

## **2. Các giải pháp tạo động lực phát triển đô thị:**

- Định hướng phát triển thành phố được xác định trong quy hoạch Tỉnh là: “Xây dựng thành phố Nha Trang trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và tiếp tục là điểm đến chính thu hút khách du lịch quốc tế” Do đó cần lựa chọn các dự án đầu tư mang tính chất trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch: phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch đô thị, kết hợp các loại hình giải trí trên biển, tham quan và khám phá đại dương; tổ chức các sự kiện du lịch gắn với biển đảo; trải nghiệm các hoạt động sản xuất thủ công, du lịch sinh thái gắn với cảnh quan sông nước và không gian sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở phía Tây thành phố; Tăng cường hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố lân cận.

## **3. Giải pháp tạo nguồn vốn và nguồn nhân lực xây dựng đô thị:**

- Kiến nghị UBND Tỉnh nghiên cứu các chính sách kêu gọi, xúc tiến và thu hút vốn nhằm huy động được nhiều nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.

- Tập trung nguồn lực phát triển, đào tạo nhân lực, chuẩn bị đáp ứng cho nhu cầu theo từng giai đoạn phát triển đô thị đến năm 2025 và đến năm 2030; Triển khai các chính sách thu hút nhân tài đến làm việc tại thành phố Nha Trang.

- Sử dụng hiệu quả và phân bổ nguồn vốn ngân sách một cách khoa học, hợp lý giữa các dự án giải quyết bức xúc dân sinh và các dự án trọng điểm có tính chất động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

## **4. Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị:**

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, thực hiện nghiêm các chính sách bảo vệ môi trường và phục hồi tài nguyên tại các khu vực thực hiện dự án.

- Đề từng bước xây dựng Nha Trang là thành phố thông minh và phát triển bền vững, ngoài yếu tố phát triển các tiện ích xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội sử dụng ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến; Đối với các khu vực có nhu cầu cần kiểm soát về chất tải dân số và nhu cầu hạ tầng cho phép sử dụng chỉ tiêu hệ số sử dụng đất thay cho nhóm chỉ tiêu mật độ, tầng cao xây dựng. Hệ số sử dụng đất tối đa được xác định trong đồ án quy hoạch hoặc thiết kế đô thị theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Quan tâm đến công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng ngầm đô thị.

- Xây dựng quy chế quản lý các dự án đầu tư khu đô thị mới; Yêu cầu phải đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng ngầm sử dụng chung cho hạ tầng kỹ thuật đô thị; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật hiện đại hướng tới xây dựng các khu đô thị thông minh phù hợp với lộ trình xây dựng thành phố Nha Trang văn minh, hiện đại.

- Khẩn trương lập và phê duyệt phủ kín các đồ án Quy hoạch phân khu, Quy

hoạch chi tiết trên toàn thành phố; Đối với các khu vực đã có quy hoạch được duyệt, cần phải rà soát điều chỉnh kịp thời theo quy định pháp luật; Rà soát điều chỉnh các nội dung bất cập giữa đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác để thống nhất quản lý.

### 5. Giải pháp về tuyên truyền vận động:

- Tiếp tục triển khai vận động tuyên truyền cho nhân dân các xã, phường trên địa bàn tự nguyện hiến đất để thực hiện đầu tư phát triển hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch trên tinh thần Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Đồng thời, tuyên truyền, vận động nhân dân tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh đô thị, tham gia bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị.

- Kêu gọi các Doanh nghiệp, các Nhà đầu tư góp sức cùng với chính quyền đô thị thực hiện xã hội hóa đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố.

## III. Dự kiến nhu cầu vốn cho Chương trình trong giai đoạn 2021-2025:

### 1. Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp nằm trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh và thành phố:

- Tổng số: 26 dự án; với tổng nhu cầu vốn: 189,34 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách thành phố; (*Chi tiết xem danh mục đính kèm*)

### 2. Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị khởi công mới giai đoạn 2021- 2025:

Thực hiện các dự án được đề xuất thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn trên địa bàn thành phố từ nguồn vốn ngân sách thành phố và ngân sách tỉnh hỗ trợ; cụ thể:

- |                        |                        |
|------------------------|------------------------|
| - Tổng số dự án:       | 93 dự án;              |
| - Tổng nhu cầu vốn:    | 3.602,21 tỷ; Trong đó: |
| + Ngân sách thành phố: | 1.598,14 tỷ;           |
| + Ngân sách tỉnh:      | 2.000,74 tỷ;           |
| + Vốn khác:            | 3,33 tỷ;               |

(*Chi tiết xem danh mục đính kèm*)

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 30/9/2021./.

### Nơi nhận:

- Nhu điều 2;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- TT Thành ủy;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các phòng, ban thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa;
- Lưu VT, CV Chương.



**DANH MỤC KẾ HOẠCH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ NHA TRANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**  
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 20/9/2021)

TT	TÊN DỰ ÁN (QUY MÔ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG NHU CẦU VỐN	CHỦ ĐẦU TƯ	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ						HÌNH THỨC VỐN						Đã giải ngân	Ghi chú	
					PHÂN KỲ VỐN THEO NĂM (tỷ đồng)														
					2021	2022	2023	2024	2025	TỔNG	Vốn NSTP	Vốn tĩnh	Vốn vay KBNN	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TPCP	Vốn ODA	Vốn khác		
A	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP		189,34		84,89	30,28	34,37	39,80	0,00	189,34	189,34	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	5,63		
I	Đô án quy hoạch		16,74		10,44	4,70	1,60	0,00	0,00	16,74	16,74	0,00				0,00	5,63		
1	QHCTXD tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Vĩnh Phước (Tây đường 2/4), thành phố Nha Trang	2021-2022	3,90	UBND NT	3,00	0,90				3,90	3,90								
2	QHCTXD tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Vĩnh Phước (Đông đường 2/4), thành phố Nha Trang	2021-2022	1,90	UBND NT	1,30	0,60				1,90	1,90								
3	QHCT tỉ lệ 1/500 khu dân cư Phước Long - Vĩnh Trường (Phía Nam đường Phước Long: 80 ha)	2021-2022	2,30	UBND NT	1,30	1,00				2,30	2,30								
4	QHCTXD 1/500 Khu dân cư Vĩnh Hiệp-Vĩnh Ngọc-khu 1 (Vĩnh Châu)	2021-2023	2,50	UBND NT	0,50	1,20	0,80			2,50	2,50								
5	QHCTXD 1/500 Khu dân cư Vĩnh Hiệp-Vĩnh Ngọc-khu 2 (Đông Bắc KDC Vĩnh Điềm Trung)	2021-2023	2,30	UBND NT	0,50	1,00	0,80			2,30	2,30								
6	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 1)	2021	0,74	UBND NT	0,74					0,74	0,74						0,81	Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 0,81 tỷ	
7	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 2)	2021	0,70	UBND NT	0,70					0,70	0,70						0,89	Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 0,89 tỷ	
8	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 3)	2021	0,80	UBND NT	0,80					0,80	0,80						1,66	Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 1,66 tỷ	
9	QHCTXD Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang (khu 4)	2021	0,70	UBND NT	0,70					0,70	0,70						1,77	Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 1,77 tỷ	
10	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 Khu vực Hòn Nghệ, xã Vĩnh Ngọc	2021	0,90	UBND NT	0,90					0,90	0,90						0,50	Giai đoạn 2016-2020 đã giải ngân 0,5 tỷ	
II	Giao thông		48,18		17,60	20,58	10,00	0,00	0,00	48,18	48,18	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
II.1	Giao thông theo quy hoạch		5,50		5,50					5,50	5,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Đường Trường Sơn (Võ Thị Sáu - Trường Sơn)	2021	5,50	UB Vĩnh Trường	5,50					5,50	5,50								
II.2	Giao thông theo hiện trạng		30,58		20,58	10,00	0,00	0,00	30,58	30,58	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Nâng cấp cải tạo đường Phan Chu Trinh	2022-2023	23,08	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		13,08	10,00			23,08	23,08								
2	Nâng cấp cải tạo đường Hai Bà Trưng	2022	7,50	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		7,50				7,50	7,50								
II.3	Cầu		12,10		12,10	0,00	0,00	0,00	0,00	12,10	12,10	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Cầu Ngọc Thảo	2021	12,10	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	12,10					12,10	12,10								

III	Hệ tảng kỹ thuật (Cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước...)		6,00		6,00	0,00	0,00	0,00	0,00	6,00	6,00							
III.1	Thoát nước		6,00		6,00	0,00	0,00	0,00	0,00	6,00	6,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Hệ thống đầu nỗi nước thải cấp 3 năm 2020	2021	6,00	Ban Quản lý DVCI	6,00					6,00	6,00							
IV	Lĩnh vực dân dụng (trụ sở cơ quan, CT dân dụng khác...)		49,57		1,00	1,00	17,77	29,80	0,00	49,57	49,57	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Trụ sở UBND P. Phước Hải	2023-2024	17,57	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		7,57	10,00			17,57	17,57							
2	XD mới Trụ sở UBND P. Vĩnh Hải	2021-2024	32,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	1,00	1,00	10,20	19,80		32,00	32,00							
V	CSHT Khu TĐC, khu đô thị...		19,00		0,00	4,00	5,00	10,00	0,00	19,00	19,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Khu TĐC Chò vò, Ngọc Hiệp	2022-2024	19,00	TTPT Quỹ đất TPNT		4,00	5,00	10,00		19,00	19,00							
VI	Giáo dục		30,93		30,93	0,00	0,00	0,00	0,00	30,93	30,93	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Trường TH Phước Đồng (điểm chính) Hạng mục: Nhà đa năng, phòng học chức năng, bếp ăn, sân, tường rào	2021	3,35	Phòng GD-ĐT	3,35					3,35	3,35							
2	Trường THCS Lương Định Của-Hạng mục: XD khối phòng học bộ môn, thoát nước trong khuôn viên trường	2021	4,00	Phòng GD-ĐT	4,00					4,00	4,00							
3	Trường THCS Cao Bá Quát-Hạng mục: nhà đa năng, khu TDTT ngoài trời, cây xanh, đường nội bộ, trang thiết bị	2021	1,58	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	1,58					1,58	1,58							
4	Trường TH Vĩnh Trung-Hạng mục: XD mới 08 phòng học, nhà đa năng	2021	4,85	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	4,85					4,85	4,85							
5	XD mới trường MN Vĩnh Lương	2021	10,00	Phòng GD-ĐT	10,00					10,00	10,00							
6	Trường MN Vĩnh Nguyên 1 (điểm Thành Gia) - Hạng mục: XD mới khối phòng học, phòng hành chính, phòng phục vụ học tập và phòng chức năng	2021	2,90	Phòng GD-ĐT	2,90					2,90	2,90							
7	Trường TH Vĩnh Hòa 2 - Hạng mục: XD mới nhà đa năng, bếp ăn bán trú, các phòng phục vụ học tập và phòng chức năng	2021	4,25	Phòng GD-ĐT	4,25					4,25	4,25							
VII	An ninh quốc phòng		18,92		18,92	0,00	0,00	0,00	0,00	18,92	18,92	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Công trình nồng cốt trong khu sơ tán, khu tập trung bí mật, thao trường huấn luyện cấp xã của LLVT thành phố Nha Trang	2021	18,92	Ban CHQS TPNT	18,92					18,92	18,92							
B	DỰ ÁN KHỐI CÔNG MỐI 2021-2025		3.602,21		218,46	287,77	485,72	422,76	531,10	1.945,81	1.598,14	2.000,74	0,00	0,00	0,00	0,00	3,33	
I	Giáo dục		384,94		44,04	125,18	89,72	68,00	58,00	384,94	371,30	13,64	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Trường TH Vĩnh Ngọc 2 (điểm Hòn Nghệ) - Hạng mục: xây dựng khối lớp học, hành chính, bếp ăn	2023-2025	27,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		5	5	17	27	27,00								
2	Trường Mầm non Lư Cầm	2021-2023	18,20	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	5	6,652	6,548			18,2	18,20							
3	Trường THCS Cao Thắng - Hạng mục: Xây dựng mới khối lớp học, phòng chức năng	2022	14,00	Phòng GD&ĐT		14				14	14,00							
4	Trường Tiểu học Vĩnh Thạnh - Hạng mục: Xây dựng mới nhà đa năng, khối phòng học chức năng	2022	9,06	Phòng GD&ĐT		9,06				9,06	2,72	6,34						
5	Trường THCS Yersin - Hạng mục: Xây dựng khối lớp học, nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa khối hành chính	2021-2022	21,19	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	11,189	10				21,189	21,19							







4	Cầu Phú Kiềng	2022-2025	468,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		3	111	154	200	468,00	468,00							
VIII	Lĩnh vực NN & PTNT		299,86		30,00	40,00	8,00	21,86	0,00	99,86	99,86	200,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Kè suối Gáo	2024	8,00	UBND xã Phước Đồng				8		8,00	8,00							
2	Gia cố bờ kè đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư Hòn Rơ 1	2021	20,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	20					20,00	20,00							
3	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa (đoạn từ cầu ông Thương đến đường Phạm Văn Đồng), xã Vĩnh Lương	2021-2022	45,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang	10	35				45,00	45,00							
4	Gia cố, khắc phục sạt lở đường dân sinh khu vực Định Trí Nguyên, phường Vĩnh Nguyên	2024	13,86	UBND phường Vĩnh Nguyên				13,862		13,86	13,86							
5	Kè chống sạt lở khu vực chân núi chùa Kỳ Viên	2022-2023	13,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang		5	8			13,00	13,00							
6	Kè sông Cái (đoạn qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	2021-2025	200,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang								200,00						
IX	Lĩnh vực an ninh quốc phòng		59,50		0,00	16,60	21,00	21,90	0,00	59,50	29,50	30,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Xây dựng công trình phòng thủ 2022	2022	5,90	Ban CHQS thành phố		5,9				5,9	5,90							
2	Xây dựng thao trường huấn luyện cụm cấp xã thành phố Nha Trang	2023-2024	42,90	Ban CHQS thành phố			21	21,9		42,9	12,9	30						
3	Xây dựng kho vũ khí dạn	2022	2,70	Ban CHQS thành phố		2,7				2,7	2,70							
4	Xây dựng mới Hội trường sinh hoạt, nhà để sa bàn tại Trung tâm huấn luyện chiến đấu của lực lượng vũ trang thành phố	2022	8,00	Ban CHQS thành phố		8				8	8,00							
X	Lĩnh vực môi trường		296,00		18,00	15,00	88,00	65,00	110,00	296,00	96,00	200,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
1	Trạm quan trắc không khí tự động tại bãi chôn lấp rác Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	2021-2022	10,00	Phòng TNMT	5	5				10,00	10,00							
2	Nạo vét, khơi thông dòng chảy các nhánh sông Quán Trường	2023	3,00	UBND xã Vĩnh Hiệp			3			3,00	3,00							
3	Mở rộng nghĩa trang phía Bắc	2023	15,00	Công ty CPMTĐT Nha Trang			15			15,00	15,00							
4	Mở rộng bãi chôn lấp Lương Hòa, cải tạo đất phục vụ công tác phủ rác	2023	20,00	Công ty CPMTĐT Nha Trang			20			20,00	20,00							
5	Nâng cấp hồ điều hòa tại trạm xử lý nước rỉ rác Lương Hòa	2021-2022	23,00	Công ty CPMTĐT Nha Trang	13	10				23,00	23,00							
6	Di dời các hộ dân có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn thành phố Nha Trang (tại xã Phước Đồng và P. Vĩnh Trường)	2023-2025	225,00	Ban QLDA các CTXD Nha Trang			50	65	110	225,00	25	200						
	TỔNG CỘNG		3.791,56							2.135,16	1.787,48	2.000,74	0,00	0,00	0,00	3,33		